

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 4 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị B Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số 919/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn K, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thị B là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị kết hôn với anh Bùi Văn K trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 01 năm 2007. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng với anh K tại thôn K, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận và có 03 con chung, đến năm 2018 giữa chị và anh K phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt, lối sống không phù hợp, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thờ ơ lạnh nhạt, không còn sự chia sẻ, thông cảm và yêu thương nhau. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Đến nay,

sau hơn 01 năm suy nghĩ và được sự đồng ý, khuyên giải nhiều lần từ gia đình nhưng chị B vẫn nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng và không còn muốn chung sống cùng với anh K nên chị giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Bùi Văn K. Chị và anh K có 03 con chung tên Bùi Khánh N sinh ngày 09 tháng 10 năm 2007, Bùi Trần Khánh V sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012 và Bùi Ngọc Châu A sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018. Khi ly hôn, chị B đề nghị để chị được trực tiếp nuôi các con Bùi Trần Khánh V và Bùi Ngọc Châu A, để anh K trực tiếp nuôi con tên Bùi Khánh N. Chị và anh K tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời Ki và tại các buổi hòa giải, anh Bùi Văn K trình bày, thống nhất với chị B về thời gian và điều kiện kết hôn. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, có xảy ra to tiếng với nhau, chị B về nhà bố mẹ để ở. Anh K đã nhiều lần tìm gọi và mong muốn đoàn tụ nhưng chị B đều không đồng ý. Nay, chị B xin ly hôn, quan điểm của anh K là không đồng ý. Về con chung, trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh K đồng ý để chị B nuôi các con Bùi Trần Khánh V và Bùi Ngọc Châu A, còn anh trực tiếp nuôi con Bùi Khánh N. Anh và chị B tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngày 19 tháng 3 năm 2021, anh K gửi đơn xác nhận đến Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên về việc đồng thuận ly hôn với chị Trần Thị B.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị B được ly hôn anh Bùi Văn K; đề nghị giao các con Bùi Trần Khánh V sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012 và Bùi Ngọc Châu A sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018 cho chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng; giao các con Bùi Khánh N sinh ngày 09 tháng 10 năm 2007 cho anh Bùi Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn là chị Trần Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Bùi Văn K đã được tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai

không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của chị Trần Thị B ly hôn với anh Bùi Văn K

Chị Trần Thị B và anh Bùi Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Chị B và anh K chung sống với nhau hòa thuận, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng quan điểm không thống nhất, bất đồng trong sinh hoạt. Gia đình đã tham gia động viên khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị B đã về quê ở tỉnh Thái Bình sinh sống, vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải bắt nguồn từ cả hai phía, anh K mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng qua nhiều lần Tòa án hòa giải chị B vẫn không thay đổi ý kiến. Chị B và anh K không còn sống chung cùng nhau từ năm 2019 đến nay, thực tế không còn dành cho nhau sự quan tâm, chia sẻ và thấu hiểu. Ngày 19 tháng 3 năm 2021, anh K gửi đơn xác nhận việc đồng thuận ly hôn với chị B. Từ những căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B xin ly hôn anh K.

[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị Trần Thị B và anh Bùi Văn K có 03 con chung tên Bùi Khánh N sinh ngày 09 tháng 10 năm 2007, Bùi Trần Khánh V sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012 và Bùi Ngọc Châu A sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung tên Bùi Khánh N ở cùng với anh K, các con chung tên Bùi Trần Khánh V và Bùi Ngọc Châu A ở cùng với chị B. Việc nuôi dưỡng, ăn ở, học tập của các con đều đã ổn định. Căn cứ vào nguyện vọng của các con và sự thống nhất của các đương sự, Hội đồng xét xử giao chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Trần Khánh V và Bùi Ngọc Châu A; giao cho anh Bùi Văn K trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Khánh N là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, chị Trần Thị B và anh Bùi Văn K thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[5] Về án phí, chị Trần Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị B được ly hôn với anh Bùi Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị B trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Bùi Trần Khánh V, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2012 và Bùi Ngọc Châu A, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2018; giao cho anh Bùi Văn K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Khánh N, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2007 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Trần Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0015610 ngày 10/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Trần Thị B đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị B, anh Bùi Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Ngũ Lão, H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân